

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 108/2021/HSST
Ngày: 16/11/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Văn Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thụ
2. Ông Nguyễn Xuân Chung

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký TAND huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang .

- **Đại diện VKSND huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:** Bp Nguyễn Thanh M- Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành xét xử thêm công khai vụ án hình sự theo lý số 72/2021/HSST ngày 17/8/2021 về việc bị cáo:

Phan Văn T, sinh năm 1992. Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ngọc M, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12.

- Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

- Con ông: Phan Văn T, sinh năm 1960.

- Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

- Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình.

- Vợ: Nguyễn Thị , sinh năm 1995.

- Bị cáo có 1 con, sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự: Chưa có.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2020 đến ngày 29/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

Anh Dương Đăng D sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Đại Giáp, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Ngọc M, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Nội dung vụ án

Căn cứ các tài liệu đã trong hồ sơ vụ án vụ quỵ, tranh chấp tài sản phi vật, nội dung vụ án như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2020, Phan Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn Ngọc M, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang do làm ăn thua lỗ pH vay mượn tiền của nhiều người, đến hạn trả nhưng bản thân không có khả năng trả nợ. Trong một lần xem mạng xã hội Facebook, thấy có người người đăng thông tin nhận làm giả giấy tờ nên T đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ) để sử dụng làm tài sản đảm bảo vay tiền. Sau đó, T dùng số điện thoại 0966.232.998 liên lạc qua Zalo với số điện thoại 0376.033.149 thì được biết người này tên Trung. Giữa T và Trung thống nhất làm giả GCNQSDĐ (sổ hồng) với giá 9.000.000 đồng. Ngày 11/12/2020, T chuyển số tiền 150.000 đồng từ số tài khoản 1700199299999 của T (Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội MB Bank) vào số tài khoản của Trung là 32381201234 (Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn SCB) để đặt cọc, số tiền còn lại T và Trung thỏa thuận khi nào nhận được GCNQSDĐ giả thì T sẽ thanh toán qua đơn vị giao hàng.

Cùng thời gian này, T lên trang Facebook “Mua bán nhà đất Lục Nam” tìm hiểu và biết được anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982, trú tại số nhà 333, phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam đang đăng bán thửa đất số 13, tờ bản đồ số 52, diện tích 132, 7 m², địa chỉ tại Khu dân cư số 2, Làn 2 QL 31, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ. Để có thông tin về GCNQSDĐ thật, T liên hệ đến nhà anh H để đặt cọc mua đất (nhưng chưa có tiền) và được anh H cho xem GCNQSDĐ, T chụp lại GCNQSDĐ trên. Sau khi có ảnh GCNQSDĐ, T gửi ảnh qua Zalo cho Trung và yêu cầu thay đổi số seri, số quyết định cấp, ngày cấp và tên của anh H thành tên của T, còn các thông tin khác thì giữ nguyên. Đến ngày 16/12/2020, nhân viên Công ty cổ phần giao hàng tiết kiệm đã chuyển cho Phan Văn T GCNQSDĐ giả với các thông tin trên GCNQSDĐ là: Số seri CK524987, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04992, quyển số 653 do UBND huyện Lục Nam cấp

ngày 09/12/2020 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 52, diện tích 132,7m², địa chỉ tại Khu dân cư số 2, Làn 2 QL 31, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mang tên Phan Văn T.

Sau khi nhận được GCNQSDĐ giả, qua các mối quan hệ xã hội, T sử dụng điện thoại di động Vivo, màu xanh đen, lắp sim 0966.232.998 liên hệ với anh Dương Đăng D, sinh năm 1994, trú tại thôn Đại Giáp, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang hỏi vay tiền. Anh D đồng ý cho T vay số tiền 300.000.000 đồng, với lãi suất 2000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 01 tháng, T để lại GCNQSDĐ (sổ hồng) cho anh D để làm tin. Ngày 17/12/2020, T và anh D đến Văn phòng công chứng Lục Nam tại thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang làm hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên (sổ hồng giả). Sau khi làm thủ tục công chứng xong, anh D chuyển vào số tài khoản 700199299999 (Ngân hàng MB Bank) cho T số tiền 282.000.000 đồng (còn 18.000.000 đồng, anh D cắt lãi 01 tháng, không chuyển), rồi T đưa GCNQSDĐ giả cho anh D giữ. Sau khi nhận được tiền, T dùng để trả nợ và sử dụng cá nhân còn số tiền 26.126.792 đồng trong tài khoản. Đến ngày 21/12/2020, T gọi điện cho anh D để hỏi vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 22/12/2020, anh D phát hiện GCNQSDĐ của T là giả nên đã trình báo Công an huyện Lục Nam, đồng thời giao nộp: 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh D và Phan Văn T; 01 GCNQSDĐ số CK524987 mang tên Phan Văn T. Cùng ngày, Phan Văn T đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và giao nộp: 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ Ngân hàng MB Bank; 01 đăng ký xe mô tô BKS 30Z1-009.63 đều mang tên Phan Văn T; 01 sổ hộ khẩu gia đình, chủ hộ mang tên Phan Văn T; số tiền 1.830.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô BKS 30Z1-009.63.

Ngày 22/12/2020, Cơ quan điều tra đã làm việc với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lục Nam, kết quả xác định: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 52, diện tích 132,7m², địa chỉ tại Khu dân cư số 2, Làn 2 QL 31, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang được cấp cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 và chị Vũ Thị Hiền, sinh năm 1984, cùng trú tại phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam; số seri CV 935572, số vào sổ CH 04992, Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND huyện Lục Nam, vào sổ địa chính quyển 16, trang 65, do ông Lương Thế T, Phó Chủ tịch UBND huyện Lục Nam ký Dệt Quyết định cấp giấy. Còn số seri CK 524987 không có và không được cấp trên địa bàn huyện Lục Nam. Cơ quan điều tra đã làm việc với Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm để xác định địa chỉ, thông tin người gửi GCNQSDĐ cho T và thông tin số tài khoản nhận tiền thu hộ, kết quả: Tên người gửi gói hàng là "Phong Thủy Gia Huy", địa chỉ: Khu du lịch 191 BRC, phường

Trường Thanh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại người gửi 0382.485.356; còn thông tin nhận số tiền 8.850.000 đồng (tiền thu hộ gửi từ Công ty giao hàng tiết kiệm) là số tài khoản 0372456901 của Ngân hàng TMCP Tiên phong.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động Vivo, màu xanh đen, lắp sim 0966.232.998 của T, kết quả không lưu trữ thông tin gì liên quan đến vụ án (T khai đã xóa trước đó).

Tại Bản kết luận giám định số 1888/KL- KTHS ngày 23/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

- Phôi, hình dấu mang tên UBND huyện Lục Nam trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CK524987 (ký hiệu A) gửi giám định là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Lương Thế T trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CK524987 (ký hiệu A) so với chữ ký của Lương Thế T trên tài liệu mẫu (ký hiệu M2) là không pH do cùng một người ký ra.

Đối với đối tượng tên Trung sử dụng số điện thoại 0376.033.149, Cơ quan điều tra tiến hành tra cứu thông tin xác định chủ thuê bao là Nguyễn Trọng Nhân, sinh năm 1990, trú tại Ấp Long Bình, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Anh Nhân khai không sử dụng số thuê bao trên, anh cũng không biết và không giao dịch mua bán gì với Phan Văn T. Đối với thông tin số tài khoản 32381201234 mở tại Ngân hàng SCB nhận cọc 150.000 đồng của T, quá trình điều tra xác định chủ tài khoản là anh Bùi Quốc T, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú tại xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; trú tại Man Thiện, Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, TP Hồ Chí Minh. Anh Bùi Quốc T khai không sử dụng số tài khoản 32381201234 trên, anh cũng không quen biết và giao dịch gì với Phan Văn T nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ thì xử lý sau.

Đối với thông tin người gửi GCNQSDĐ là Phong Thủy Gia Huy, có số điện thoại 0382.485.356 và số tài khoản 0372456901 nhận số tiền 8.850.000 đồng, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không có căn cứ để xử lý.

Đối với việc Dương Đăng D cho Phan Văn T vay số tiền 300.000.000 đồng (tiền lãi 01 tháng là 18.000.000 đồng) vượt quá mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng (tại thời điểm) và của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên hành vi của D chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự nên Công an huyện Lục Nam có văn bản đề

ng nghị Chủ tịch UBND huyện Lục Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với Văn phòng Công chứng Lục Nam, công chứng hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh D và T. Khi công chứng không biết T sử dụng GCSQSDĐ giả để lừa vay tiền của anh D nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960, trú tại thôn Ngọc M, xã Chu Điện, huyện Lục Nam (là mẹ đẻ T) đã hoàn trả, bồi thường cho anh D số tiền 287.000.000 đồng. Anh D đã nhận tiền và không có yêu cầu gì, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Về vật chứng: 01 Hộp đồng đặt cọc và 01 GCNQSDĐ số CK524987 do D
giao nộp được lưu trong hồ sơ vụ án. Còn 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ Ngân
hàng MB Bank; 01 sổ hộ khẩu gia đình; 01 đăng ký xe mô tô BKS 30Z1-009.63
đều mang tên Phan Văn T; 01 xe mô tô BKS 30Z1-009.63; số tiền 1.830.000
đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen Cơ quan điều tra
chuyển xử lý cùng vụ án.

Quá trình điều tra, Phan Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tài bản c, o tr'ng sè 71/2021/KSST ngày 14/8/2021 của VKSND huyện Lộc Nam ®· truy tề bP c, o Phan Văn T về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS.

§1i diÖn VKSND huyÖn LÖc Nam sau khi luÖn tÓi,
phÖn tÝch c,c t×nh tiÖt tÖng nÆng gi¶m nhÑ tr,ch
nhiÖm h×nh sù cña bÐ c,o vụ tr,ch nhiÖm dÖn sù ®· gi÷
nguyªn quan ®iÖm truy tÒ vụ ®Ò nghÐ H\$XX:

* ưp đông **điểm a** kho¶n 3 §iòu 174; ®iòm b, s kho¶n 1, kho¶n 2 §iòu 51; **Điàu 54; Điàu 38** BLHS, xö ph¹t:

Phan Văn T. từ 4 năm đến 5 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 §100 51;
Điều 38 BLHS 2015, xử ph¹t:

Phan Văn T. từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng từ về tội “ *Làm giả con dẫu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng Điều 55 BLHS buộc bị cáo PH chịu hình phạt chung cho cả 2 tội từ 7 năm đến 8 năm 6 tháng tù . Thêi h¹n tì t¹nh tở nguy bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời gian t¹m gi÷, t¹m giam từ ngày

22/12/2020 đến ngày 29/7/2021.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS

Trả lại cho bị cáo T 01 sổ hộ khẩu gia đình, 01 đăng ký xe mô tô BKS 30Z1- 009.63 mang tên Phan Văn T, 01 xe mô tô BKS 30Z1-009.63.

Trả lại cho bị cáo số tiền 1.830.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Xung vào ngân sách nhà nước của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh.

Định nghĩa: Bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải bồi thường sau cùng: Bị cáo Phan Văn T biết hình vi phạm của bị cáo phạm tội vụ xin H\$XX về mặt hình phạt nhất nhất.

Những nhận định của tòa án

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của KSV, của bị cáo vụ tranh tụng nên tham gia tố tụng khác.

[1] Hình vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng với thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong BLTTHS.

[2] *Hình vi phạm tội:*

Khoảng đầu tháng 12/2020, do không có tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ nên Phan Văn T đã nảy sinh ý định làm giả GCNQSDĐ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau đó, T thuê người tên Trung làm giả GCNQSDĐ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 52, diện tích 132,7m², địa chỉ tại Khu dân cư số 2, Làn 2 QL 31, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau khi có GCNQSDĐ giả, ngày 17/12/2020 T đã dùng thủ đoạn gian dối sử dụng GCNQSDĐ giả đặt làm tin để vay của anh Dương Đăng D số tiền 300.000.000 đồng nhưng bị cắt lãi số tiền 18.000.000 đồng. Đến ngày 22/12/2020, khi T tiếp tục hỏi vay tiền thì bị anh D phát hiện làm đơn trình báo, cùng ngày T đến Công an huyện Lục Nam đầu thú. Số tiền T chiếm đoạt của anh D là 282.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Phan Văn T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

Tại điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

b, Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Tòa án cấp sơ thẩm số 71/2021/KSST ngày 14/8/2021 của VKSND huyện Lộc Nam, tỉnh Bắc Giang xét truy tố bị cáo Phan Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự lập luận toàn căn cứ theo nguyên tắc, nguyên tắc, nguyên tắc pháp luật.

Ngay khi xét xử, Tòa án đã phân tích, đánh giá tình hình phạm tội, HSXX xét thấy cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để với bị cáo, HSXX thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với 2 tội trên.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tòa án quan sát tra bị cáo Phan Văn T khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo ra tù, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền cho anh D cả đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị cáo được giảm nhẹ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo cũng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trong quá trình thực hiện phạm tội theo quyết định của bị cáo, bị cáo không hề có ý định chiếm đoạt quyền sẽ thu về lợi nhuận của công đồng theo pháp luật báo về vụ án xét xử phạm tội trật tự công cộng, trật tự pháp luật gây tổn hại lý hoang mang trong nhân dân. Do hình vi phạm tội của bị cáo trên căn cứ một mặt một mặt đang xảy ra ở địa phương riêng vụ phạm pháp chung.

Tổ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS vụ án

thôn của bị cáo HXX còn nữa, xem xét giảm nhẹ mét phần hình phạt cho bị cáo khi l-êng hình. Bị cáo Phan Văn T chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ở địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật, sau khi phạm tội bị cáo đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền cho anh D nên cần cho bị cáo -i- h-êng §iêu 54 BLHS -ó thó hi-ên t-ính nh-ôn -o ph- p lu-ët x- héi ch-ñ ngh-ĩa. Xong v-én c-ñ b-át bị cáo c- ch ly kh-ái x- héi mét th-êi gian -ó tr-ê th-nh ng-êi c-á ý- ch cho gia -x-nh vụ cho x- héi.

[3] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo Phan Văn T không có công ăn việc làm ổn định nên miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về mức ,n mụ v- -i di-ôn VKSND huy-ôn L-ôc Nam -ô ngh- p đông, tuy-ñ ph- t -êi v-íi bị cáo l- ph- h-íp vụ t--ng x-ong v-íi h-nh vi ph- m t-éi c-ñ bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm bồi thường*: Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho bị hại và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về xử lý vật chứng*: 01 hợp đồng đặt cọc và 01 giấy chứng nhận QSDĐ số CK 524987 được lưu trong hồ sơ vụ án do anh D nộp. 01 sổ hộ khẩu gia đình, 01 đăng ký xe mô tô BKS 30Z1- 009.63 mang tên Phan Văn T, 01 xe mô tô BKS 30Z1-009.63 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo do vậy trả lại cho bị cáo T.

Số tiền 1.830.000đ trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu sung công quỹ nhà nước của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh do chiếc điện thoại của bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[6] Đối với đối tượng tên Trung sử dụng số điện thoại 0376.033.149, Cơ quan điều tra tiến hành tra cứu thông tin xác định chủ thuê bao là Nguyễn Trọng Nhân, sinh năm 1990, trú tại Ấp Long Bình, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Anh Nhân khai không sử dụng số thuê bao trên, anh cũng không biết và không giao dịch mua bán gì với Phan Văn T. Đối với thông tin số tài khoản 32381201234 mở tại Ngân hàng SCB nhận cọc 150.000 đồng của T, quá trình điều tra xác định chủ tài khoản là anh Bùi Quốc T, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú tại xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; trú tại Man Thiện, Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, TP Hồ Chí Minh. Anh Bùi Quốc T khai không sử dụng số tài khoản 32381201234 trên, anh cũng không quen biết và giao dịch gì với Phan Văn T nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ thì xử lý sau, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Đối với thông tin người gửi GCNQSDĐ là Phong Thủy Gia Huy, có số điện thoại 0382.485.356 và số tài khoản 0372456901 nhận số tiền 8.850.000 đồng, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không có căn cứ để xử lý, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Đối với việc Dương Đăng D cho Phan Văn T vay số tiền 300.000.000 đồng (tiền lãi 01 tháng là 18.000.000 đồng) vượt quá mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng (tại thời điểm) và của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên hành vi của D chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự nên Công an huyện Lục Nam có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND huyện Lục Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Đối với Văn phòng Công chứng Lục Nam, công chứng hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh D và T. Khi công chứng không biết T sử dụng GCSQSDĐ giả để lừa vay tiền của anh D nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về phần phạt: Bề cáo Phan Văn T phải chịu 200.000đ phần phạt hình sự thêm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bề cáo, ng-êi bề h¹i, ng-êi cả quyền lời nghĩa vô liên quan @-ic quyền kháng cáo theo quy @pnh của pháp luật.

Về các lý do, tr^an,

Quyết @pnh

1/ Về đồng điểm a khoản 3 @i@u 174; @i@u b, s khoản 1, khoản 2 @i@u 51; Điều 54; Điều 38 BLHS, xử ph¹t:

Phan Văn T 04 (bốn) năm tù về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* ” Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 @i@u 51; Điều 38 BLHS 2015, xử ph¹t:

Phan Văn T 03 (ba) năm tù về tội “ *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức* ”. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng; Điều 55 BLHS 2015 buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả 2 tội là 07(bảy) năm tù. Thêi h¹n tù t¹nh t@ nguy bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời gian t¹m gi÷, t¹m giam từ ngày 22/12/2020 đến ngày 29/7/2021 .

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS

Trả lại cho bị cáo T 01 sổ hộ khẩu gia đình, 01 đăng ký xe mô tô BKS 30Z1- 009.63 mang tên Phan Văn T, 01 xe mô tô BKS 30Z1-009.63.

Trả lại cho bị cáo số tiền 1.830.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành

án. Xung vào ngân sách nhà nước của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh.

3/ *Định chế*: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS sơ thẩm Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Văn T pH chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4/ *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 331, Điều 332 BLTTHS sơ thẩm

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Định chế công khai sơ thẩm. /

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh, Huyện .
- Công an huyện;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- UBND xã Chu Điện, H. Lục Nam;
- Bị cáo, người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ . VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn